SAO Y
Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
Thời gian ký: 23/01/2024 15:04:46 +07:00

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 05 /QĐ-SNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang *(theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Lãnh đạo các phòng và cán bộ, công chức Khối Văn phòng Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc Sở (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu :VT, KT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH KIÊN GIANG

Trần Công Danh

Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang
Chương: 412

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-SNNPTNT ngày 15 /01/2024 của Sở Nông Nghiệp và PTNT Kiên Giang)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí**	**50.000.000**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**50.000.000**
1	*Lệ phí*	
2	*Phí*	**50.000.000**
	- Phí tuyển dụng và dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức	50.000.000
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**50.000.000**
	- Phí tuyển dụng và dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức	50.000.000
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**10.558.000.000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**10.558.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**8.677.000.000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.154.000.000
1.2	Kinh phí cải cách tiền lương	1.118.000.000
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	405.000.000
2	**Chi sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ (Khoản 281)**	**976.000.000**
2.1	KP Nhuận bút trang thông tin của sở	50.000.000
2.2	KP Chương trình thống kê, thông tin giá cả thị trường	20.000.000
2.3	KP mua sắm trang phục thanh tra sở	52.000.000
2.4	KP hoạt động thanh tra các dự án, kế hoạch, chương trình thuộc	577.000.000

	lĩnh vực nông nghiệp	
2.5	KP hoạt độngcủa BCĐ IUU	180.000.000
2.6	KP tổ giúp việc hợp tác giữa tỉnh KG với tỉnh Yamakuchi (Nhật Bản) (theo QĐ 2821/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 và Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của chủ tịch UBND tỉnh)	27.000.000
2.7	KP thi đua ngành NN gắn với hội thao vùng ĐBSCL được cấp có thẩm quyền phê duyệt	70.000.000
3	**Chi sự nghiệp KHCN không giao tự chủ (khoản 341): KP ISO**	**15.000.000**
4	**Kinh phí thực hiện các hoạt động tuyên truyền về NN (Khoản 281) điều chuyển cho các đơn vị trực thuộc**	**360.000.000**
5	**BQL Lâm trường 422: Kinh phí PCCCR theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt**	**530.000.000**